TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 13 – 7 – 2026.
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hết – Ông Nguyễn Văn Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Tuyết Phi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 373/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Sa L, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp T, xã M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lữ Hoàng M, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp T, xã M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Sa L trình bày:

Chị và anh M qua thời gian tìm hiểu rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân. Chị và anh M có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2011. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, do anh M thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhậu nhẹt say xỉn về gây sự cự cãi. Kinh tế gia đình không ổn định, anh M không phụ giúp chị trong việc buôn bán nên cũng dẫn đến mâu thuẫn thường xuyên, cả hai cũng có gây sự

đánh nhau nhiều lần. Vì hôn nhân không hạnh phúc cách đây 03 năm, chị không nhớ thời gian cụ thể chị có nộp đơn ly hôn tại tòa nhưng sau đó anh M có năn nỉ, chị cũng đã tạo điều kiện tha thứ và cũng muốn hàn gắn vì con nên chị có rút đơn khởi kiện và tòa đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau khi quay về sống chung thì tình trạng vợ chồng cũng không biến chuyển, anh M không sửa đổi, vợ chồng vẫn thường xuyên bất hòa. Đến khoảng tháng 4/2025 anh M say xỉn, ghen tuông vô cớ dùng chai bia đánh vào đầu chị gây thương tích. Do đó, chị không thể tiếp tục chung sống với anh M và ly thân từ tháng 4/2025 cho đến nay. Gần đây anh M còn tham gia chơi cờ bạc, gây nợ nần. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh M, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

- Về con chung: 02 con chung là Lữ Ngọc Lam Q, sinh ngày 14/9/2014 và Lữ Ngọc Bảo L1, sinh ngày 11/12/2011 hiện đang sống với anh M. Nay chị đồng ý giao 02 con chung cho anh M nuôi dưỡng vì 02 cháu có nguyện vọng sống với anh M. Chị không cấp dưỡng nuôi con nhưng sẽ có trách nhiệm lo cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Theo nội dung bản khai, biên bản hòa giải, trong quá trình tố tụng bị đơn anh Lữ Hoàng M trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về việc anh và chị L kết hôn tự nguyện, về con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng mà chị L trình bày là đúng. Anh thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân anh là người có lỗi, anh cũng có ghen tuông, có đánh chị L, trước đó anh và chị L cũng có đánh nhau, anh cũng có thường xuyên nhậu nhẹt, gây sự với chị L, vợ chồng bất hòa thường xuyên. Anh cũng thừa nhận hôn nhân không hạnh phúc, chị L đã không còn dành tình cảm cho anh, chị L đã từng nộp đơn xin ly hôn và sau đó rút lại để vợ chồng hàn gắn, nhưng giữa anh chị hiện nay vẫn còn mâu thuẫn. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì lý do để chị L còn có cơ hội quay về. Mặt dù biết hôn nhân không hạnh phúc, khó có khả năng hàn gắn nhưng anh không đồng ý ly hôn và tùy tòa quyết định xem xét theo quy định.

- Về con chung: 02 con chung là Lữ Ngọc Lam Q, sinh ngày 14/9/2014 và Lữ Ngọc Bảo L1, sinh ngày 11/12/2011 hiện đang sống với anh, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Thời gian qua chị L cũng có đóng chi phí nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

* Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa.

* Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Chị Trần Thị Sa L được ly hôn với anh Lữ Hoàng M. Các đương sự không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng nên không xem xét.

- Về con chung: anh Lữ Hoàng M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Lữ Ngọc Lam Q, sinh ngày 14/9/2014 và Lữ Ngọc Bảo L1, sinh ngày 11/12/2011. Sau khi ly hôn các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Sa L, chị L yêu cầu ly hôn với anh M nên đây là tranh chấp "ly hôn, nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lữ Hoàng M cư trú tại xã M, tỉnh Vĩnh Long, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

[2] Về hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị L và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2011. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân chị L yêu cầu ly hôn với anh M là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống từ việc anh M thường xuyên ghen tuông vô cớ, nhậu nhẹt say xỉn về gây sự cự cãi, có lần anh M dùng chai bia đánh vào đầu chị gây thương tích và anh M cũng thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân anh là người có lỗi, anh cũng có ghen tuông, có đánh chị L, trước đó anh và chị L cũng có đánh nhau,

anh cũng có thường xuyên nhậu nhẹt, gây sự với chị L, vợ chồng bất hòa thường xuyên, chị L đã từng nộp đơn ly hôn với anh M sau đó rút đơn để hàn gắn nhưng sau đó tình trạng vợ chồng vẫn không có biến chuyển, mâu thuẫn vợ chồng không thể chấm dứt.

Qua trình bày của chị L, xét thấy anh M đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, và không có biện pháp khắc phục hàn gắn hôn nhân. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chi L, anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: chị L, anh M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về con chung: 02 con chung là Lữ Ngọc Lam Q, sinh ngày 14/9/2014 và Lữ Ngọc Bảo L1, sinh ngày 11/12/2011, hiện đang sống cùng anh M. Chị L đồng ý giao 02 con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M yêu cầu Toà án giải quyết về con chung theo nguyện vọng 02 cháu. Xét tại biên bản lấy ý kiến con chung, cháu Q và cháu L1 cùng có nguyện vọng sống chung với anh M.

Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống, đảm bảo sự phát triển về mặt tâm sinh lý, quyền lợi mọi mặt của con chung nên giao cho anh M được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời cần ghi nhận việc chị L không cấp dưỡng nuôi con do anh M không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh M cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm Kiểm sát viên, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Sa L. Chị Trần Thị Sa L được ly hôn với anh Lữ Hoàng M.

Chị L và anh M không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: anh Lữ Hoàng M được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lữ Ngọc Lam Q, sinh ngày 14/9/2014 và Lữ Ngọc Bảo L1, sinh ngày 11/12/2011 và ghi nhận việc chị L không cấp dưỡng nuôi con chung do anh M không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh M cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Sa L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009029 ngày 13/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long xem như đã nộp xong.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Mỹ Trung, tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 9 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Cẩm Nhung